

Gần 150 nhà hoạch định chính sách, nhà nghiên cứu và nhà báo có mặt tại Khách sạn Melia Hà Nội ngày 16-17.8.2002 để tham dự Hội nghị lần đầu tiên do Quỹ tiền tệ thế giới (IMF) tổ chức với sự hỗ trợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Những người tham dự đã trao đổi rộng rãi những ý kiến về cơ hội và thách thức trong đầu tư nước ngoài và chính sách ưu tiên đối với ba nước Đông Dương: Campuchia, Lào, và Việt Nam. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có vai trò chủ yếu trong việc trợ giúp các nước này chuyển đổi sang nền kinh tế hướng về thị trường bằng cách phát triển bí quyết quản trị và doanh nghiệp tư nhân năng động. Kinh nghiệm thế giới và khu vực được xem như là nền tảng để phân tích cụ thể hơn về cách thức ba nước Đông Dương thu hút và duy trì mức tăng trưởng đầu tư trực tiếp nước ngoài. Hội nghị đã kết luận những điểm sau đây:

1. Mặc dù Trung Quốc hiện nay được xem là nước thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất châu Á, nước này vẫn không thể có lợi thế so sánh về mọi mặt được, nhưng một đất nước Trung Quốc thịnh vượng chắc chắn sẽ góp phần tạo ra nhiều cơ hội phát triển trong vùng.

2. Về những nhân tố thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài, có những ý kiến tương đồng. Từ kinh nghiệm của những nước trong vùng và ưu thế của nước đầu tư và nước chủ nhà, đa số đều công nhận rằng không thể gia tăng FDI nếu không có ổn định chính trị. Tương tự, thị trường nội địa lớn và đang tăng trưởng hay thị trường khu vực hợp nhất trong khuôn khổ của AFTA sẽ là điều kiện rất thuận lợi. Hơn nữa, quan điểm cởi mở đối với sự cạnh tranh toàn cầu và môi trường đầu tư thuận lợi là những điều kiện tiên quyết, cũng như một cơ cấu chi phí tương đối thấp, và dẫn đến cơ sở hạ tầng phải đầy đủ và hợp lý. Ngoài ra, cũng cần có một hệ thống luật pháp minh bạch, độc lập và một quy trình xét duyệt đầu tư đơn giản.

3. Có những quan điểm khác nhau về cách thức tối đa hoá lợi ích của FDI thông qua việc tăng cường chuyển giao công nghệ và đầu tư mở rộng. Có ý kiến đề

nghị việc can thiệp chọn lọc trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh có thể mang lại hiệu quả, nhưng điều này cần phải phân tích từng ngành cụ thể, cẩn thận và tham khảo rộng rãi khu vực tư nhân. Phần lớn tin rằng những nước nên dựa nhiều hơn vào lợi thế

cách, đặc biệt theo đuổi chính sách thương mại và đầu tư mở rộng, nhất là thông qua AFTA và sớm gia nhập vào WTO. Ngoài ra, vì FDI có thể tăng giảm theo tình hình thị trường thế giới, điều quan trọng là phải quản lý chính sách kinh tế vĩ mô thận

trọng và linh hoạt để đối phó với những biến động bên ngoài này. Vì vậy chính sách chủ yếu trong tình hình này là quản lý tỉ giá hối đoái linh hoạt.

6. Đối với Việt Nam, cần chú ý đặc biệt đến việc thực hiện nghiêm ngặt Hiệp định thương mại Việt Mỹ và tích cực chuẩn bị gia nhập WTO, như là một phương tiện để mở cửa thị trường nhiều hơn đối với các nhà đầu tư và tăng cường hệ thống pháp luật. Việt Nam cũng cần chú ý cải thiện môi trường kinh doanh bằng cách giảm bớt chi phí kinh doanh và tạo dựng một sân chơi bình đẳng giữa khu vực nhà nước và tư nhân. Nhất là

tính minh bạch, khả năng dự báo, và chính sách nhất quán rất quan trọng. Mặt khác, việc đơn giản hoá việc cấp phép và quy trình xét duyệt đầu tư cũng đem lại những hiệu quả tốt.

7. Đối với Campuchia, cần khẩn trương xây dựng lại vốn nhân lực, cơ sở hạ tầng và hệ thống pháp luật. Ngoài ra, để tăng thu ngân sách để tài trợ cho cơ sở hạ tầng kinh tế, cần hợp lý hoá những ưu đãi đầu tư đang khá phóng khoáng; nhìn chung, cần mở rộng nguồn thu để tránh tăng thuế. Ngoài ra, những tiến bộ trong việc tăng cường khả năng tài chính và quản lý kinh tế cũng rất cần thiết.

8. Đối với Lào, cần quản lý kinh tế vĩ mô thận trọng để đảm bảo sự ổn định vĩ mô. Với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú chưa được khai thác và chính sách đầu tư thông thoáng, Lào là vị trí rất tốt thu hút FDI. Điều quan trọng là phải hợp lý hoá quy trình xét duyệt. Xúc tiến các đặc khu kinh tế có thể là bước đi thực tế đầu tiên để phát triển cơ sở hạ tầng cho các nhà đầu tư. Chính sách minh bạch, đặc biệt qua việc tăng cường thông tin rất quan trọng để củng cố lòng tin của nhà đầu tư.

TRỌNG THỨC
(Theo www.imf.org)

Đầu tư trực tiếp nước ngoài Cơ hội và thách thức đối với 3 nước Đông Dương



Ảnh Hoàng Tuấn

so sánh, và FDI vốn đáp ứng với động lực thị trường toàn cầu vẫn đầy hứa hẹn, nhất là FDI trong khu vực xuất khẩu.

4. Về những khó khăn có thể xảy ra đối với chiến lược FDI, những người tham dự tranh luận về giá trị của ưu đãi thuế. Có ý kiến cho rằng ưu đãi thuế đối với FDI là điều thông thường trong khu vực, các nước không thể né tránh được. Tuy nhiên những người khác tin rằng trong trung hạn, nền kinh tế của khu vực đang thoát khỏi sự phụ thuộc vào những ưu đãi này như là phương tiện để thu hút đầu tư. Trong khi đó, nếu không thể tránh được những ưu đãi, có thể sắp xếp chúng một cách hiệu quả hơn, giới hạn thất thoát ngân sách và khả năng tham nhũng. Trong toàn khu vực, cần xem xét kỹ hơn sự hợp tác chặt chẽ để giảm bớt mức ưu đãi đã cấp.

5. Mặc dù mỗi nước có hoàn cảnh cụ thể khác nhau, cả ba vẫn có những điểm chung trong chiến lược cải thiện môi trường đầu tư, không chỉ cho nhà đầu tư nước ngoài mà còn cho khu vực tư nhân trong nước. Đó là: thứ nhất, duy trì môi trường kinh tế vĩ mô ổn định và tăng trưởng kinh tế bền vững; thứ hai tăng cường nền tài chính công để xây dựng cơ sở hạ tầng và đào tạo lao động có tay nghề; thứ ba, khắc phục tham nhũng và củng cố bộ máy nhà nước; và thứ tư, đẩy mạnh cải

(Tiếp theo trang 4)

Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu ...

Phát triển mạnh một số loại dịch vụ như bưu chính viễn thông, du lịch, vận tải, thương mại, dịch vụ khoa học-công nghệ, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn... theo hướng phát triển thị trường nội địa, vừa nhanh chóng vươn ra thị trường quốc tế.

Đẩy mạnh việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, ưu tiên cho các công trình trọng điểm phục vụ chung cho nền kinh tế, cho việc mở rộng kinh tế đối ngoại, xây dựng một số cơ sở hạ tầng thiết yếu ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Bổ sung các chính sách, hình thức, biện pháp có hiệu lực để khuyến khích, hướng dẫn, giúp đỡ các doanh nghiệp và nhân dân đầu tư phát triển có hiệu quả, phù hợp với định hướng của kế hoạch Nhà nước.

2. Áp dụng chính sách bảo hộ hợp lý, giúp đỡ và thúc đẩy các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh.

Nhà nước đảm nhiệm việc xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật bên ngoài doanh nghiệp, phát triển thị trường vốn, đào tạo nguồn nhân lực, giúp đỡ về nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, về tiếp thị, thông tin thị trường v.v...; dành ưu tiên về đất, vốn, thuế, lao động được đào tạo... cho việc đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu và cho việc đổi mới thiết bị, công nghệ của các doanh nghiệp.

Phát triển sự hợp tác giữa các cơ quan và cán bộ khoa học với các doanh nghiệp, kể cả với các nhà khoa học và nhà kinh doanh người Việt ở nước ngoài.

Tiếp tục điều chỉnh chính sách bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước theo tinh thần bảo hộ có chọn lọc, có điều kiện và có thời hạn, phù hợp với tiến trình hội nhập quốc tế. Lộ trình giảm thuế nhập khẩu và giảm dần các hàng rào phi quan thuế được công bố rõ để từng doanh nghiệp có kế hoạch phấn đấu cụ thể.

3. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho xuất khẩu.

Quy định rõ một số ít mặt hàng cấm xuất khẩu hoặc hạn chế xuất khẩu; những mặt hàng còn lại được xuất khẩu dễ dàng với thủ tục đơn giản. Các doanh nghiệp có đăng ký thuộc các thành phần kinh tế, chủ yếu là các đơn vị sản xuất được trực tiếp xuất khẩu hoặc tham gia các hiệp hội xuất khẩu theo những điều kiện được pháp luật quy định. Thu hẹp diện mặt hàng quy định hạn ngạch (quota) xuất khẩu, nhập khẩu, thay bằng chính sách thuế; áp dụng phương thức đấu thầu công khai đối với mặt hàng chưa bỏ được hạn ngạch.

Ban hành quy chế thành lập và hoạt động của các quỹ hỗ trợ xuất khẩu từ nguồn ngân sách và nguồn đóng góp của các doanh nghiệp, trước hết là ở các ngành hàng có kim ngạch lớn.

Rút bài học kinh nghiệm từ cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ đang diễn ra ở một số nước để đề ra các chính sách phù hợp theo hướng có lợi cho xuất khẩu, giảm thâm hụt cán cân thương mại...

Phát triển từng bước và nâng cao hiệu quả các khu chế xuất, khu công nghiệp. Nghiên cứu xây dựng thí điểm một vài đặc khu kinh tế, khu mậu dịch tự do ở những địa bàn ven biển có đủ điều kiện.

4. Trên cơ sở phát huy nội lực, thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách thu hút các nguồn lực bên ngoài.

Mở rộng nhiều hình thức thu hút các nguồn lực từ bên ngoài. Có bước đi và biện pháp thận trọng trong việc mở cửa thị trường vốn, áp dụng từng bước và có mức độ, được quản lý và giám sát chặt chẽ các hình thức đầu tư gián tiếp (nước ngoài góp cổ phần, mua cổ phiếu của các cơ sở trong nước).

Khuyến khích mạnh mẽ việc thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào các ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu và công nghệ cao, công nghiệp cơ khí, điện tử, những ngành ta có thế mạnh về nguyên liệu và lao động. Ưu tiên các nhà đầu tư có tiềm năng lớn về tài chính và nắm công nghệ nguồn; chú ý cả các dự án lớn, dự án vừa và nhỏ nhưng công nghệ hiện đại.

Từng bước tạo mặt bằng pháp lý và áp dụng thống nhất chính sách thuế, các loại giá cả dịch vụ (thuế đất, điện, nước, bưu chính, viễn thông, hàng không...) đối với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Bổ sung các chính sách ưu đãi thiết thực, có sức hấp dẫn cao, nhất là đối với những vùng và ngành cần ưu tiên. Có chính sách ưu đãi đặc biệt thu hút đầu tư vào các vùng sâu, vùng xa. Quản lý việc thực hiện các dự án đã được cấp giấy phép và các cơ sở đã đi vào hoạt động theo hướng vừa tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, vừa bảo đảm chấp hành tối pháp luật Việt Nam.

5. Tích cực và chủ động thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế.

Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết về cán bộ, luật pháp và nhất là về những sản phẩm mà chúng ta có khả năng cạnh tranh để hội nhập thị trường khu vực và thị trường quốc tế. Tiến hành khẩn trương quốc tế. Tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán hiệp định thương mại với Mỹ, gia nhập APEC và WTO. Có kế hoạch cụ thể để chủ động thực hiện các cam kết trong khuôn khổ AFTA.

Giữ vững và mở rộng thị trường đã tạo lập được với các nước trong khu vực và các nước thuộc Liên minh châu Âu, khôi phục thị trường Nga và các nước Đông Âu, phát triển quan hệ thương mại chính ngạch với Trung Quốc, tăng cường quan hệ buôn bán, hợp tác với Ấn Độ, mở rộng thị trường Mỹ, đẩy mạnh việc tìm thị trường mới ở Trung Cận Đông, châu Phi, Mỹ la-tinh. Chú trọng đa phương hóa quan hệ thương mại, giảm sự tập trung vào một vài đối tác và việc mua bán qua thị trường trung gian.

Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trung ương và tỉnh, thành phố, các doanh nghiệp trong việc phát triển thị trường xuất khẩu, đàm phán và ký kết các thỏa thuận song phương và đa phương. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan ngoại giao trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại.

Hình thành hệ thống thông tin thương mại quốc gia. Thành lập Trung tâm xúc tiến thương mại.

Phát triển các hiệp hội ngành hàng liên kết chặt chẽ giữa sản xuất nguyên liệu, chế biến và xuất khẩu. Ban hành quy chế cho các doanh nghiệp và các hiệp hội doanh nghiệp lập cơ quan đại diện, chi nhánh ở nước ngoài.

Nghiên cứu việc sử dụng các tổ chức dịch vụ và tổ chức môi giới quốc tế. Khuyến khích các cá nhân và tổ chức có khả năng và điều kiện, ở trong nước cũng như người Việt Nam ở nước ngoài, tham gia tích cực vào việc tìm hiểu, tiếp cận và thâm nhập thị trường thế giới ■